

Bản án số 183/2024/HC-PT

Ngày 22/5/2024

Về “*Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Cường, bà Võ Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Xuân Lộc

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 350/2023/TLPT-HC ngày 23/11/2023 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 187/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 927/2024/QĐ-PT ngày 06/5/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

Người khởi kiện: ông Lương Văn L, sinh năm 1945; địa chỉ: khối phố M, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 12/4/2023 của ông L: ông Phạm Xuân L1 - Luật sư văn phòng L4, Đoàn luật sư tỉnh Q; địa chỉ: H Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: G, H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. *Người đại diện hợp pháp là* ông Bùi Ngọc A - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Trương Công T – Phó giám đốc BQL các dự án đầu tư và xây dựng thành phố T, có mặt.

- Ông Trương Công B – Công chức Địa chính – Xây dựng UBND phường T, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1952;

2. Bà Lương Thị Phương L2, sinh năm 1980;

3. Ông Lương Quang L3, sinh năm 1983;

4. Ông Lương Quang D, sinh năm 1988;
5. Bà Thái Thị Thùy T1, sinh năm 1986;
6. Ông Trương Văn H, sinh năm 1978;
- Bà Huỳnh Thị Ngọc T2, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: khối phố M, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; đều vắng mặt và có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2023 và quá trình tố tụng, người khởi kiện ông Lương Văn L trình bày:*

Thực hiện Dự án đường bao Nguyễn H1, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 thu hồi của hộ ông Lương Văn L 802,5m² (gồm 640,65m² đất trồng cây lâu năm và 161,85m² đất trồng cây lâu năm sử dụng sau ngày 01/7/2004) thuộc thửa đất số 123, tờ bản đồ số 95 tại phường T (trước đây thuộc phường A), thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Ngày 28/3/2023, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 1180/QĐ-UBND, bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Lương Văn L số tiền 714.201.840 đồng, trong đó bồi thường về đất 74.315.400 đồng, về nhà ở, vật kiến trúc 398.946.900 đồng, cây cối, hoa màu 15.066.440 đồng, hỗ trợ di chuyển tài sản 5.600.000 đồng, hỗ trợ chuyển đổi nghề: 111.473.100 đồng, hỗ trợ thuê nhà, 24.000.000 đồng, hỗ trợ ổn định đời sống: 64.800.000 đồng, hỗ trợ thủ tục nơi ở mới: 5.000.000 đồng, hỗ trợ bàn giao mặt bằng: 15.000.000 đồng. Ông L không đồng ý với việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ của UBND thành phố T, vì:

+ Hộ gia đình ông L quản lý, sử dụng diện tích đất khoảng hơn 2.000m² có ranh giới, tứ cận rõ ràng kể từ thời điểm sử dụng đất đến nay, gồm đất ở và đất trồng cây lâu năm cùng thửa với đất ở, thời điểm quản lý sử dụng trước năm 1980, có kê khai theo Chỉ thị 299/TTg, diện tích 885m² (gồm: đất ở 500m², đất trồng cây lâu năm 385m²) thuộc thửa đất số 310, tờ bản đồ số 02 tại đường N, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Hồ sơ lập theo Nghị định 60-CP là thửa đất số 51, tờ bản đồ số 95, diện tích 2.170,7m². Năm 2001, nhà nước thu hồi diện tích 1.530,05m² (trong đó có 200m² đất ở và 1.330,05m² đất trồng cây lâu năm cùng thửa với đất ở), nay Ủy ban nhân dân thành phố T thu hồi 802,5m² đất và xác định đất trồng cây lâu năm diện tích 640,65m², đất trồng cây lâu năm sử dụng sau ngày 01/7/2004 là 161,85m² để bồi thường là không đúng; lẽ ra, phải bồi thường 300m² đất ở và diện tích còn lại là đất vườn, ao cùng thửa với đất ở phải được hỗ trợ bằng 50% giá đất ở.

+ Hiện nay, Nhà nước giải tỏa trắng (thu hồi toàn bộ diện tích đất còn lại) nhưng không bồi thường bằng đất ở cho hộ gia đình ông L là không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông L.

Ngày 13/4/2023 ông L nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết hủy toàn bộ Quyết định số 1133/QĐ-UBND và Quyết định số 1180/QĐ-UBND, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông

L yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 về nội dung bồi thường, hỗ trợ về đất.

Ngày 13/6/2023 và ngày 08/8/2023, anh Lương Quang L3, anh Lương Quang D, chị Lương Thị Phương L2 có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án buộc UBND thành phố T ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với diện tích đất theo giấy cho tặng đất ngày 08/02/2000 và hiện trạng hiện nay có nhà ở, vật kiến trúc trên đất do vợ chồng ông anh D, vợ chồng anh L3, vợ chồng chị L2 đang quản lý sử dụng là một phần của thửa đất số 123, tờ bản đồ số 95 tại phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam theo quy định của pháp luật; buộc UBND thành phố T ban hành quyết định giao đất có thu tiền sử dụng đất (bán 01 lô đất theo giá nhà nước không thông qua đấu giá - giá sàn) cho vợ chồng anh D, vợ chồng anh L3, vợ chồng chị L2; tuy nhiên, ngày 28/9/2023, anh L3, anh D và chị L2 rút toàn bộ yêu cầu độc lập.

* *Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L vì:*

+ Hộ ông L có đăng ký hồ sơ theo Chỉ thị 299/TTg tại thửa đất số 310, tờ bản đồ số 02 với diện tích 885,0m² (trong đó 500,0m² đất T và 385,0m² đất CLN) đăng ký tên ông Lương Văn L, số đăng ký được UBND huyện T duyệt, không ghi rõ ngày, tháng, năm. Theo hồ sơ nghị định 60/NĐ-CP tại trang Sổ mục kê đất đai lập năm 2005 tại trang số 415 ghi thửa đất số 51, tờ bản đồ số 95, diện tích 2.170,7m² (Đất ở: 200,0m² + Đất vườn: 1.970,7m²) tên ông Lương Văn L. Theo hồ sơ thực hiện dự án đường tránh QL 1A năm 2001 là thửa đất số 688 + 690, tờ bản đồ số 03, diện tích hiện trạng 2.392,4m² (đã nhận tiền bồi thường là 1.530,05m² trong đó đất ở 200,0m² + đất vườn 1.330,05m² bồi thường toàn bộ vật kiến trúc trên thửa đất và cây cối... trong phạm vi dự án, đã thực hiện bố trí tái định cư cho ông Lương Văn L), diện tích còn lại đủ điều kiện bồi thường là 640,65m² hộ ông L xây dựng nhà vào năm 2005 và nay bị ảnh hưởng bởi dự án đường B, bị giải tỏa trắng. Sao lưu các hồ sơ liên quan đến đất đai qua các thời kỳ, chồng ghép, quy chiếu hệ tọa độ bản đồ qua các thời kỳ (chồng ghép bản đồ Chỉ thị 299/TTg lên thửa đất theo bản đồ nghị định 60/CP, chồng ghép lên bản đồ có thửa đất để thực hiện dự án đường T, chồng ghép thửa đất theo hiện trạng sử dụng) thì vị trí đất ở tại thửa đất 299/TTg hộ ông L đăng ký đã được thực hiện bồi thường bởi dự án đường tránh QL 1A năm 2001, đã thi công xong. Hiện trạng hộ ông L sử dụng phần diện tích còn lại nằm ngoài ranh giới của thửa đất ở đăng ký theo hồ sơ Chỉ thị 299/TTg nên không có cơ sở bồi thường đất ở.

- Tại bản án hành chính sơ thẩm số 187/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 74, Điều 75, Điều 77, Điều 79, Điều 86, Điều 100, Điều 101, 103 Luật đất đai 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 20/10/2022), Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày

20/6/2022, của UBND tỉnh Q; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn L:

- Hủy Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường B phường T, thành phố T.

- Hủy một phần Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T về nội dung bồi thường, hỗ trợ về đất đối với hộ ông Lương Văn L.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành lại quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông Lương Văn L khi thu hồi diện tích đất 802,5m² của thửa đất 123, tờ bản đồ số 95 tại phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Trả lại cho ông Lương Quang L3, ông Lương Quang D, bà Lương Thị Phương L2 mỗi người 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai số 0000511, số 0000512, số 0000513 ngày 15/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Lương Văn L tự nguyện nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 2.683.000đ (Hai triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng). Ông Lương Văn L đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 12/10/2023 Ủy ban nhân dân thành phố T kháng cáo cho rằng đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- UBND thành phố T giữ nguyên kháng cáo.

- Ông L đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng nội dung vụ án, đúng pháp luật, nên đề nghị bác kháng cáo của UBND thành phố T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hồ sơ lập theo Chỉ thị 299/TTg và Sổ mục kê ruộng đất được UBND huyện T duyệt (không ghi rõ ngày, tháng, năm) thể hiện hộ ông Lương Văn L sử dụng và kê khai, đăng ký thửa đất số 310, tờ bản đồ số 2, diện tích 885m², trong đó 500m² loại ruộng đất T và 385m² loại ruộng đất CLN. Hồ sơ lập theo Nghị định 60-CP tại Sổ mục kê trang số 415 ghi thửa đất số 51, tờ bản đồ số 95, diện tích 2.170,7m², trong đó đất ở 200m², đất vườn 1.970,7m², tên chủ hộ Lương Văn L. Giấy xác nhận (bổ sung) về hộ khẩu, nguồn gốc sử dụng đất và xây dựng trên đất ngày 06/4/2022 đối với hộ ông L tại thửa đất số 123, tờ bản đồ số 95, diện tích 802,5m², diện tích thu hồi 802,5m² được UBND phường T xác nhận, ghi: “+ *Nguồn gốc sử dụng: theo phiếu lấy ý kiến khu dân cư tại nhà sinh hoạt khối phố Mỹ Thạch T3 và kết quả họp Hội đồng tư vấn nguồn gốc đất phường T, UBND phường T xác nhận: hộ ông Lương Văn L sử dụng đất và xây dựng nhà trước ngày 15/10/1993. Theo hồ sơ đăng ký 299/TTg tại thửa đất số 310, tờ bản đồ số 02, diện tích 885m², loại đất: đất ở + đất CLN, (trong đó: 500m² đất ở và 385m² đất CLN). Theo hồ sơ 60-CP tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 95, diện tích 2.170,7m², loại đất: đất ở + vườn, do hộ ông Lương Văn L kê khai. Năm 2001, thực hiện dự án đường tránh quốc lộ A (nay là đường N) thì ông Lương Văn L đã được đền bù giải phóng mặt bằng và tái định cư với diện tích 1.530,05m² loại đất ODT-CLN, diện tích còn lại là 640,65m² đất ở + CLN. Năm 2005, ông Lương Văn L đã tự ý xây dựng nhà trên đất ở + đất CLN này. Diện tích đo mới phục vụ đền bù dự án đường bao Nguyễn H1 (802,5m²) tăng so với diện tích bồi thường còn lại dự án đường tránh quốc lộ A (nay là đường N) là 161,85m² là tự khai phá sau ngày 01/7/2004”.* Xét, xác nhận của UBND phường T nêu trên về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của hộ ông L phù hợp với hồ sơ kê khai đăng ký; do đó, đủ căn cứ xác định thửa đất số 51, tờ bản đồ số 95 theo hồ sơ 60-CP có nguồn gốc từ thửa đất số 310, tờ bản đồ số 2 theo hồ sơ 299/TTg.

[2] Xét trình bày của Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện cho rằng toàn bộ diện tích đất ở của hộ ông L 500m² đã bị thu hồi hết vào năm 2001 khi thực hiện dự án đường tránh Quốc lộ A, do tại thời điểm năm 2001 đã bồi thường cho hộ ông L 200m² đất ở theo hạn mức và theo kết quả chồng ghép bản đồ 299/TTg, Bản đồ 60-CP và bản đồ thực hiện dự án đường tránh quốc lộ A do UBND phường T ghép thì toàn bộ thửa đất ông hộ L được đăng ký theo Hồ sơ Chỉ thị 299/TTg nằm ở vị trí đã bị thu hồi nên không có cơ sở để bồi thường về đất ở cho hộ ông L, cấp phúc thẩm thấy: Kết quả chồng ghép giữa bản đồ lập theo Nghị định 60-CP với Trích đo địa chính theo hiện trạng sử dụng đất thì diện tích 802,5m² của thửa đất 123, tờ bản đồ số 95 bị thu hồi có 660,8m² đất thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 95 và 141,7m² đất thuộc thửa 50 tờ bản đồ số 95, loại đất Hn (đất mặt nước). Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì diện tích 802,5m² đất có tứ cận khép kín (Đông giáp nương nước, Tây giáp đường N, Nam giáp đường T, Bắc giáp đất ông Đỗ Văn M đã thu hồi, giải phóng mặt bằng) và theo xác nhận của UBND phường T thì diện tích tăng lên so với đăng ký 60-CP là do ông L tự khai phá sau ngày 01/7/2004, (không phải do lấn chiếm mà thực tế là do ông L bồi đắp đất mặt nước). Theo hồ sơ thực hiện dự án đường tránh quốc lộ A năm 2001 thì hộ

ông L sử dụng diện tích hiện trạng $2.392,4\text{m}^2$ lớn hơn tổng diện tích đã thu hồi năm 2001 và diện tích theo hiện trạng sử dụng hiện nay ($1.530,05\text{m}^2 + 802,5\text{m}^2 = 2.332,55\text{m}^2$) nên diện tích $141,7\text{m}^2$ ông L đã sử dụng ít nhất là từ năm 2001, tức trước ngày 01/7/2004 và thực tế không có tranh chấp. Vì vậy, trình bày của Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện nêu trên là không có cơ sở. Như vậy, toàn bộ diện tích $802,5\text{m}^2$ đất hộ ông L đang sử dụng đủ điều kiện bồi thường khi thu hồi đất theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai nên việc UBND thành phố T chỉ bồi thường đối với diện tích $640,65\text{m}^2$ đất là không đúng quy định của pháp luật.

[3] Về loại đất được bồi thường, xét Hồ sơ đăng ký 299/TTg thì ông L đăng ký 885m^2 , trong đó 500m^2 loại ruộng đất T và 385m^2 loại ruộng đất CLN. Khoản 2 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Đối với trường hợp thửa đất ở có vườn, ao được hình thành trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định theo giấy tờ đó*”. Điểm g, khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Các loại giấy tờ khác được xác lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 theo quy định của Chính phủ*”. Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định về giấy tờ khác về quyền sử dụng đất quy định tại điểm g khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai: “*Các giấy tờ khác lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai có tên người sử dụng đất, bao gồm: Sổ mục kê đất, sổ kiến điền lập trước ngày 18 tháng 12 năm 1980. Một trong các giấy tờ được lập trong quá trình thực hiện đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị số 299-TTg ngày 10 tháng 11 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước do cơ quan nhà nước đang quản lý*”. Mặc dù, hồ sơ lập theo Chỉ thị 299/TTg UBND huyện T phê duyệt không ghi rõ ngày, tháng, năm, tuy nhiên đây là lỗi của cơ quan Nhà nước không phải lỗi của người sử dụng đất; do đó, diện tích đất ở của hộ ông L được xác định theo hồ sơ được lập theo Chỉ thị 299/TTg là 500m^2 đất ở. Khi thực hiện dự án đường tránh quốc lộ A năm 2001, hộ ông L bị thu hồi 200m^2 đất ở nên còn lại 300m^2 đất ở chưa bị thu hồi, do đó, diện tích đất $660,8\text{m}^2$ ($2.170,7\text{m}^2 - 1.530,05\text{m}^2 = 660,8\text{m}^2$) còn lại sau khi thu hồi thực hiện dự án đường tránh quốc lộ A của thửa đất số 51 tờ bản đồ số 95 phải được xác định gồm 300m^2 đất ở và $360,8\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc từ đất vườn ao cùng thửa với đất ở có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở để thực hiện thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại Điều 79, Điều 86 Luật đất đai, Điều 13, Điều 40 Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 (Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 20/10/2022), Điều 2 Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh Q. Diện tích đất $141,7\text{m}^2$ hộ ông L khai phá sử dụng không có giấy tờ về quyền sử dụng đất được xác định loại đất trồng cây lâu năm để thu hồi, bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Điều 77 Luật Đất đai 2013. Tuy nhiên, khi thu hồi, bồi thường UBND thành phố T đã xác định toàn bộ diện tích $660,8\text{m}^2$ thuộc thửa đất số 51 tờ bản đồ 95 theo hồ sơ đăng ký Nghị định 60-CP với loại đất trồng cây lâu năm để thu hồi, bồi thường là không đúng quy định của pháp luật.

[4] Từ những tài liệu, chứng cứ trích dẫn, phân tích tại các mục trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện hủy Quyết định thu hồi đất số 1133/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T và hủy một phần quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T và buộc Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành lại Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông L theo đúng quy định của pháp luật, là có căn cứ đúng pháp luật nên bác kháng cáo của UBND thành phố T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm; UBND thành phố T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 348, 349 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố T, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 187/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố T phải chịu 300.000 đồng, trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000008 ngày 25/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân